

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/8/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bế Thị Bay và bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hường – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXX-ST ngày 17/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T 3, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Võ Duy N, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T 3, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt (anh N có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2020, bản tự khai ngày 16/3/2020, bản tự khai ngày 08/7/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày:

Chị M và anh Võ Duy N kết hôn vào ngày 07/02/2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn giữa chị M và anh N là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, anh N thường xuyên cờ bạc và nhiều lần đánh chị M gây thương tích. Hiện nay

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Võ Duy N.

Về con chung: Chị M và anh N có 01 người con chung là cháu X, sinh ngày 05/12/2016. Do điều kiện thu nhập của chị M không ổn định, chị M còn có con riêng là cháu C dù đã thành niên nhưng chưa tự lập được. Vì vậy, chị M và anh N đã thống nhất nếu ly hôn thì giao cháu X cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, chị M yêu cầu Tòa án giao cháu X cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Không có.

Tại bản khai ngày 16/3/2020 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/7/2020 bị đơn anh Võ Duy N trình bày: Anh N và chị M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 07/02/2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn, đôi lúc anh N đánh chị M, nhưng anh nghĩ những mâu thuẫn đó không đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên, anh N đã nhiều lần khuyên chị M rút đơn ly hôn nhưng chị M vẫn cương quyết ly hôn. Do vậy, anh N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Về con chung: Anh N thừa nhận chị M và Nghi có 01 người con chung là cháu X, sinh ngày 05/12/2016. Nếu Tòa án giải quyết cho anh N và chị M ly hôn thì anh N có nguyện vọng được nuôi cháu Hoàng và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn chị Bùi Thị M yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con chung với anh Võ Duy N, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn T 3, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Anh Võ Duy N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Duy N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Võ Duy N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị M với anh N là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị M với anh N phát sinh mâu thuẫn. Theo chị M, sau khi kết hôn anh N thường xuyên cò bạc và nhiều lần đánh chị M gây thương tích, hiện nay không còn tình cảm gì với anh N nữa nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N. Lời khai của anh N cũng thể hiện: Anh N đã nhiều lần khuyên chị M rút đơn ly hôn nhưng chị M vẫn cương quyết ly hôn, do vậy, anh N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M với anh N thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị M với anh Võ Duy N.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị M với anh N có 01 người con chung là cháu X, sinh ngày 05/12/2016. Nguyên vọng của chị M và anh N đều thống nhất nếu ly hôn thì giao cháu X cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét anh N đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cho anh N trực tiếp nuôi cháu X là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh N không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị M với anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Bùi Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn anh Võ Duy N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị M cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị M ly hôn với anh Võ Duy Nghi.

+ Về nuôi con chung: Giao cho anh Võ Duy N trực tiếp nuôi cháu X, sinh ngày 05/12/2016, khi cháu X chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh N không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí:

+ Chị Bùi Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004298 ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Võ Duy Nghi không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (10/8/2020), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã S (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Tứ Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bế Thị bay

Trần Thị Kia

Bùi Tứ Hải

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã S (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Bùi Tứ Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hòa

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Bùi Tứ Hải

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã S (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Bùi Tứ Hải

